

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH N

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2017/HSST
Ngày 29 tháng 9 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH N
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Quốc.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Đình Phong- Trưởng Đài truyền thanh huyện G.
2. Bà Tạ Thị Mai Hiền- Phó phòng Tư pháp huyện G.

Th- ký toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Minh - Cán bộ
Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh N tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Văn Diệu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/9/2017, tại trụ sở toà án nhân dân huyện G, tỉnh N, xét xử sơ
thẩm vụ án hình sự thụ lý số 54/2017/HSST ngày 27 tháng 8 năm 2017 đối với
các bị cáo:

1. Bị cáo: Nguyễn Văn Q, sinh năm 1987. Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKHKTT: thôn M, xã T, huyện T, tỉnh H; chỗ ở hiện nay: phố Đ, thị
trấn N, huyện N, tỉnh N; trình độ văn hoá: lớp 12/12; nghề nghiệp: lao động tự
do; con ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T; vợ: Phan Thị C; con có 03
con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/6/2017, đến ngày 22/6/2017 đ- ọc thay đổi
bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi c- trú” - Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo: Phạm Văn T, sinh năm 1982; tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: phố B, thị trấn N, huyện N, tỉnh N;
trình độ văn hoá: Lớp 8/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Phạm Văn T

và bà Vũ Thị L; vợ Lã Thị T và có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/6/2017, đến ngày 22/6/2017 để thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” - Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1983. Tên gọi khác: không.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh N; trình độ văn hoá: Lớp 8/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị T; vợ Phạm Thị G và có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/6/2017, đến ngày 22/6/2017 để thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” - Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Bị cáo: Đinh Quốc T, sinh năm 1993. Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: xóm 3, xã G, huyện G, tỉnh N; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Đinh Văn B và bà Hoàng Thị L; vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/6/2017, đến ngày 22/6/2017 để thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” - Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Bị cáo: Đinh Duy C, sinh năm 1960. Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: xóm 3, xã G, huyện G, tỉnh N; trình độ văn hoá: Lớp 7/10; nghề nghiệp: làm ruộng; con ông Đinh Văn Đ và bà Nguyễn Thị N (cả hai đều đã chết); vợ Đinh Thị T và có 03 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/6/2017, đến ngày 22/6/2017 để thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” - Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973; trú tại: thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh N- Vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố về hành vi phạm tội nh- sau:

Buổi sáng ngày 20/6/2017, Nguyễn Văn Q, Đinh Duy C, Đinh Quốc T, Phạm Văn T và Nguyễn Văn Đ đến gia đình anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973 ở xóm 1, xã G để kéo cá giúp gia đình anh Đ. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi ăn cơm trưa xong thì Q nói “Làm tý cho vui”, ý rủ mọi người đánh bạc bằng hình thức “đánh liêng”, được thua bằng tiền với mức thấp nhất là 10.000 đồng/người/ván, mức cao nhất là 50.000 đồng/người/ván. Khoảng 15 giờ 20 phút cùng ngày, Khi Q, C, Đ, T và T đang đánh bạc bằng hình thức “Đánh liêng” được thua bằng tiền thì bị tổ công tác Công an huyện G phối hợp với Công an xã G phát hiện bắt quả tang. Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 2.020.000 đồng, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc chiếu nhựa (loại chiếu đôi), 01 ví giả da màu nâu của Phạm Văn T bên trong có số tiền 3.100.000 đồng. Ngoài ra còn thu giữ của T 300.000 đồng, 01 điện thoại di động Iphone 5; của Chính 01 điện thoại di động Nokia 150 và 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM, biển kiểm soát 35N1- 3523; của Đ số tiền 500.000 đồng, 01 điện thoại di động Iphone 5; của Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel và 01 xe mô tô biển kiểm soát 35N1- 4682.

Quá trình điều tra đã xác định số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc ngày 20/6/2017 là 5.920.000 đồng

Trong quá trình điều tra vụ án, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Tại bản cáo trạng số 55/CT- VKS, ngày 25 tháng 8 năm 2017, Viện Kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện G đã truy tố các bị cáo **Nguyễn Văn Q, Phạm Văn T, Nguyễn Văn Đ, Đinh Quốc T và Đinh Duy C** ra tr-ớc toà án nhân dân huyện G để xét xử về tội “**Đánh bạc**” theo Điều 248 khoản 1 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, ông Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố nh- bản cáo trạng đã nêu. Sau khi luận tội đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Văn Q, Phạm Văn T, Nguyễn Văn Đ, Đinh Quốc T và Đinh Duy C** phạm tội “**Đánh bạc**”.

□p dụng Điều 248 khoản 1; Điều 46 khoản 1, các điểm h, p Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 7 triệu đồng đến 8 triệu đồng; xử phạt Phạm Văn T từ 6 triệu đồng đến 7 triệu đồng; xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Đinh

Quốc T và Đinh Duy C mỗi bị cáo từ 5 triệu đồng đến 6 triệu đồng *Về xử lý vật chứng*: đề nghị áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền **5.920.000** đồng, tịch thu tiêu huỷ 01 bộ bài túlôkơ 52 quân và 01 chiếc chiếu nhựa (*loại chiếu đôi*) và 01 ví giả da màu nâu thu giữ của Phạm Văn T là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các bị cáo và lời khai của những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa các bị cáo hoàn toàn nhận tội. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, thể hiện rõ: Sáng ngày 20/6/2017, các bị cáo Q, T, C, T và Đ cùng đến kéo cá hộ gia đình anh Nguyễn Văn Đ tại xóm 1, xã G, huyện G. Đến 13 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi ăn cơm trưa xong thì Q nói “Làm tý cho vui”, rủ mọi người đánh bài ăn tiền. Sau đó Q, T, C, T và Đ cùng thống nhất đánh bài bằng hình thức “đánh liêng”, được thua bằng tiền với mức thấp nhất là 10.000 đồng/người/ván và cao nhất là 50.000 đồng/người/ván. Trong khi các bị cáo Q, T, C, T và Đ đang cùng nhau “đánh liêng”, được thua bằng tiền đến khoảng 15 giờ 20 phút cùng ngày thì bị tổ công tác Công an huyện G phối hợp với Công an xã G phát hiện bắt quả tang.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã xác định số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bài ăn tiền ngày 20/6/2017 là **5.920.000** đồng (*bao gồm: số tiền 2.020.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc; 3.100.000 đồng trong ví giả da thu giữ tại chiếu của T; 500.000 đồng thu giữ của Đ và 300.000 đồng thu giữ của T*).

Rõ ràng các bị cáo đã cùng nhau tham gia đánh bài ăn tiền bằng hình thức đánh liêng, do đó có đủ căn cứ xác định hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Đánh bạc”. Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả, số tiền dùng vào việc đánh bạc, VKSND huyện G truy tố các bị cáo theo khoản 1 điều 248 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào trật tự công cộng và an toàn xã hội đ- ọc pháp luật hình sự bảo vệ.

Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn, để cá thể hoá hình phạt cần xác định rõ vai trò, mức độ tham gia vào việc phạm tội của từng bị cáo trong vụ án.

Đối với Nguyễn Văn Q là ng- ời đầu tiên khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác đánh bạc và trực tiếp tham gia đánh bạc cùng các bị cáo khác từ đầu đến cuối nên bị cáo Q giữ vai trò thứ nhất trong vụ án.

Đối với Phạm Văn T khi đ- ọc Q rủ chơi đánh bạc đã không can ngăn mà còn tích cực h- ớng ứng và tham gia cùng đánh bạc, số tiền bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc lớn nhất. Đồng thời quá trình chơi bị cáo T còn cho bị cáo khác mượn tiền để đánh nên bị cáo T cùng giữ vai trò thø nhất trong vụ án.

Đối với Nguyễn Văn Đ, Đinh Quốc T và Đinh Duy C khi đ- ọc Q rủ chơi đánh bạc đã không đứng ra can ngăn mà tích cực h- ớng ứng theo và tham gia đánh bạc từ đầu đến cuối nên các bị cáo Đ, T và C cùng giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

Đánh bạc là một tệ nạn nguy hiểm đang len lỏi trong đời sống xã hội, bị gia đình và xã hội lên án, Nhà n- ớc ta đang ra sức loại trừ. Vì đánh bạc mà nhiều gia đình bị khánh kiệt, nợ nần chồng chất, đánh bạc cũng là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Hầu hết các bị cáo đều là những người có vợ con đang hoàng nh- ng không chịu tu chí làm ăn l- ơng thiện mà lại tham gia đánh bạc nhằm kiếm tiền bất chính. Vì vậy cần phải có biện pháp xử lý thật nghiêm khắc, t- ơng xứng với mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử cần xem xét đến nhân thân của các bị cáo ch- a có tiền án, tiền sự, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc tr- ờng hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra cũng nh- tại phiên toà ngày hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn, hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đ- ọc quy định tại các điểm h, p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt chính là hình phạt

tiền đối với các bị cáo cũng đủ sức răn đe các bị cáo thành ng-ời có ích cho gia đình, xã hội, đồng thời đảm bảo đ-ợc tính giáo dục, phòng ngừa chung cho các tr-ờng hợp khác.

Đối với Nguyễn Văn Đ là chủ trang trại tại xóm 1, xã G. Ngày 20/6/2017, Đ đã để cho các bị cáo đánh bạc tại lều trông coi cá của trang trại nhưng anh Đ không được hưởng lợi từ việc đánh bạc của các bị cáo nên anh Đ không phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này.

Về xử lý vật chứng vụ án.

Đối với số tiền **5.920.000** đồng (*Năm triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*) bao gồm: 2.020.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc; 3.100.000 đồng thu giữ trong ví giả da thu giữ dưới chiếu của T; 500.000 đồng thu giữ của Đ và 300.000 đồng thu giữ trong người của T là số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ Nhà n-ớc.

Đối với 01 bộ bài túlơkhơ 52 quân; 01 chiếc chiếu nhựa (loại chiếu đôi) là công cụ các bị cáo sử dụng để đánh bạc đồng thời đây cũng là tài sản của anh Đ, quá trình điều tra anh Đ cũng đề nghị tiêu hủy nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 ví giả da màu nâu thu giữ của Phạm Văn T. Tại phiên tòa bị cáo T cũng xác định còn giá trị sử dụng và đề nghị tiêu hủy nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động Nokia 150, 01 xe mô tô biển kiểm soát 35N1- 3523 thu giữ của Đinh Duy C; 01 điện thoại di động Iphone 5, 01 điện thoại di động Nokia 105 thu giữ của Đinh Quốc T; 01 điện thoại di động Iphone 5 thu giữ của Nguyễn Văn Đ và 01 điện thoại di động Viettel, 01 xe mô tô biển kiểm soát 35N1- 4682 thu giữ của Nguyễn Văn Q. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của các bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc nên cơ quan Công an huyện G đã trả lại những tài sản trên cho các bị cáo là phù hợp.

Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố:

Các bị cáo: **Nguyễn Văn Q, Phạm Văn T, Nguyễn Văn Đ, Đinh Quốc T và Đinh Duy C** phạm tội: **“Đánh bạc”**.

□p dụng khoản 1 Điều 248; các điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

Nguyễn Văn Q 6.500.000 đ(Sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Phạm Văn T 6.500.000 đ(Sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Nguyễn Văn Đ 6.000.000 đ(Sáu triệu đồng).

Đinh Quốc T 6.000.000đ đ(Sáu triệu đồng).

Đinh Duy C 6.000.000đ(Sáu triệu đồng).

2. Về xử lý vật chứng:

□p dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà n-óc số tiền **5.920.000 đồng (Năm triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng)** đang gửi tại tài khoản tạm gửi của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

- Tịch thu tiêu huỷ 01 bộ bài túlôkhơ 52 quân và 01 chiếc chiếu (*loại chiếu đôi*); 01 ví giả da màu nâu đã qua sử dụng. (**Chi tiết nh- biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện G với Chi cục Thi hành án dân sự huyện G ngày 25/8/2017**).

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự(BLDS) về việc phải chịu lãi xuất nếu chậm thi hành án: Trong trường hợp nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi xuất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS.

3. Về án phí:

□p dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án. Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (**Hai trăm nghìn đồng**) án phí hình sự sơ thẩm.

Người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Người xử công khai sơ thẩm, các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh N
- Công an huyện G
- Thi hành án dân sự H. G
- Viện kiểm sát H. G
- Các bị cáo;
- Người liên quan;
- L- u HS, VP

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TOÁN PHIÊN TOÁN
(đã ký)

Nguyễn Hữu Quốc